

Số: 251/QĐ-CPNT2

Đồng Nai, ngày 29 tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc: **Phê duyệt Yêu cầu báo giá**

**Gói thầu: Cung cấp màn hình giám sát và dịch vụ nâng cấp cho hệ thống Debris Filter tủ 10PDB21/22GH001 của nhà máy điện Nhơn Trạch 2**

## GIÁM ĐỐC

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-CPNT2 ngày 02/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc phê duyệt sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/06/2024 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-CPNT2 ngày 19/03/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-CPNT2 ngày 26/05/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy định cụ thể thực hiện lựa chọn nhà thầu của Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-CPNT2 ngày 25/12/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc Tạm giao KH SXKD năm 2026 Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-CPNT2 ngày 26/05/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp màn hình giám sát và dịch vụ nâng cấp cho hệ thống Debris Filter tủ 10PDB21/22GH001 của nhà máy điện Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Tờ trình số 337/TTr-CPNT2 ngày 27/05/2026 của các phòng chức năng về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Cung cấp màn hình giám sát và dịch vụ nâng cấp cho hệ thống Debris Filter tủ 10PDB21/22GH001 của nhà máy điện Nhơn Trạch 2;

Xét đề nghị của các phòng chức năng tại Tờ trình số 337/TTr-CPNT2 ngày 27/05/2026.



## QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Cung cấp màn hình giám sát và dịch vụ nâng cấp cho hệ thống Debris Filter từ 10PDB21/22GH001 của nhà máy điện Nhơn Trạch 2, với nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá gói thầu đính kèm theo quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó giám đốc, Trưởng các phòng chức năng liên quan triển khai các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.
- Điều 3.** Phó Giám đốc, Trưởng các phòng chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu VT, TM-TTĐ.

**Đính kèm:**

- Yêu cầu báo giá gói thầu.

**GIÁM ĐỐC**



**Ngô Đức Nhân**

## BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu : **Cung cấp màn hình giám sát và dịch vụ nâng cấp cho hệ thống Debris Filter tủ 10PDB21/22GH001 của nhà máy điện Nhơn Trạch 2**

Phát hành ngày : 29/5/2026

Ban hành kèm : 251/CCA - CPNT2  
theo Quyết định

*Nh* Bên mời thầu *H*



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Trung Thu**

## CHƯƠNG I. YÊU CẦU NỘI BẮN BÁO GIÁ

### Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia nộp bản báo giá gói thầu (BBG) gói thầu Cung cấp màn hình giám sát và dịch vụ nâng cấp cho hệ thống Debris Filter tủ 10PDB21/22GH001 của NMĐ Nhơn Trạch 2. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá (YCBG) này.

3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

### Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu;

Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 của YCBG.

2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Các yêu cầu cần tuân thủ  |                               | Tài liệu cần nộp                                                |           |
|--------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------|
| TT                                   | Mô tả                                            | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nhà thầu độc lập          | Nhà thầu liên danh            |                                                                 |           |
|                                      |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                           | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh                                       |           |
| 1                                    | <b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự</b>   | <p>Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự <sup>(1)</sup>về cung cấp hàng hóa và dịch vụ; Hoặc 01 hợp đồng cung cấp hàng hóa và 01 hợp đồng cung cấp dịch vụ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ<sup>(2)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính chất tương tự:</li> <li>+ Cung cấp hàng hóa của hệ thống giám sát và điều khiển;</li> <li>+ Cung cấp dịch vụ của hệ thống giám sát và điều khiển;</li> <li>- Có quy mô (giá trị) tối thiểu 50% giá gói thầu với giá trị cộng dồn là 230.000.000 VND.</li> </ul> | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Mẫu số 04 |
| 2                                    | <b>Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế</b> | Cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này                                       | Cam kết   |

(1) Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp

đồng đã được thanh lý. Nhà thầu nộp bản sao y các tài liệu: BB nghiệm thu, hóa đơn GTGT/BB quyết toán thanh lý, tài liệu liên quan để chứng minh đã hoàn thành hợp đồng.

- (2) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Nhà thầu nộp cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

**Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:**

Nhà thầu có đề xuất nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu: Đạt.

Nhà thầu có đề xuất nhân sự chủ chốt không đáp ứng yêu cầu: Không đạt.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 05A, 05B và 05C Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

| Stt | Vị trí công việc                                       | Số lượng | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự                                                                                                                            | Năng lực nhân sự (còn hiệu lực)                                                                                                                                                                                          |
|-----|--------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Nhân sự trực tiếp phụ trách công tác lắp đặt thi công. | ≥ 01     | - Đã tham gia hoàn thành tối thiểu 01 dự án thi công/lắp đặt cung cấp dịch vụ của hệ thống giám sát và điều khiển với vai trò trực tiếp phụ trách hoặc tương đương. | - Có chứng chỉ tham gia các khóa đào tạo về mạng truyền thông PROFIBUS, PROFINET/tương đương;<br>- Chứng chỉ về hệ thống SCADA với WinCC V7 và WinCC Professional của TIA Portal/tương đương;<br>- Thẻ an toàn lao động. |
| 2   | Nhân sự kỹ thuật.                                      | ≥ 01     | - Đã tham gia hoàn thành tối thiểu 01 dự án thi công/lắp đặt cung cấp dịch vụ của hệ thống giám sát và điều khiển.                                                  | - Thẻ an toàn lao động.                                                                                                                                                                                                  |

Hồ sơ dự thầu phải đính kèm các tài liệu được công chứng hoặc chứng thực các văn bản, chứng chỉ chứng minh năng lực nhân sự tham gia thực hiện gói thầu của nhà thầu như yêu cầu tại bảng nêu trên đính kèm theo YCBG và xuất trình bản gốc khi có yêu cầu để chứng minh. Trường hợp nhân sự không thuộc biên chế của Nhà thầu thì Nhà thầu cần cung cấp tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu. Cụ thể, Nhà thầu đính kèm cùng YCBG các tài liệu sau của nhân sự:

1. Nhà thầu cung cấp bản sao y tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của Nhà thầu như: Hợp đồng lao động/Thỏa thuận hợp tác/Hợp đồng hợp tác ... (còn hiệu lực);

2. Nhà thầu cung cấp bản sao y để chứng minh nhân sự đã hoàn thành: BB nghiệm thu, hóa đơn GTGT/BB quyết toán thanh lý, Quyết định giao nhiệm vụ... và các tài liệu khác có liên quan'
3. Cung cấp bản sao y các tài liệu chứng minh năng lực nhân sự.

**Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây.

| TT                             | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                       | Mức độ đáp ứng |           |
|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|
|                                |                                                                                                                                                                                                                                                        | Đạt            | Không đạt |
| <b>I. Về phạm vi công việc</b> |                                                                                                                                                                                                                                                        |                |           |
| 1                              | Phạm vi công việc đáp ứng quy định tại chương II – Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                    |                |           |
|                                | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                | X              |           |
|                                | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                          |                | X         |
| 2                              | Thời gian, địa điểm thực hiện đáp ứng quy định tại chương II – Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                        |                |           |
|                                | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                | X              |           |
|                                | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                          |                | X         |
| 3                              | Nhà thầu phải có cam kết hàng hóa được cung cấp là mới 100% chưa qua sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, ngày sản xuất hàng hóa cung cấp sau ngày <b>01/01/2025</b> ;                                                        |                |           |
|                                | Có cam kết                                                                                                                                                                                                                                             | X              |           |
|                                | Không có cam kết                                                                                                                                                                                                                                       |                | X         |
| 4                              | Cam kết cung cấp đầy đủ CO, CQ đối với các mục hàng hóa quy định tại Chương II và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của các chứng từ CO, CQ hoặc các tài liệu tương đương.                                                                    |                |           |
|                                | Có cam kết                                                                                                                                                                                                                                             | X              |           |
|                                | Không có cam kết                                                                                                                                                                                                                                       |                | X         |
| 5                              | Nhà thầu phải có cam kết các mục hàng hóa chào thay thế (nếu có) là tương đương hoặc tốt hơn so với mục hàng hóa yêu cầu, cam kết tính tương thích của hàng hóa chào tương đương trong quá trình sử dụng, lắp đặt (tương thích cả về thông số kỹ thuật |                |           |
|                                |                                                                                                                                                                                                                                                        |                |           |

| TT                                             | Nội dung yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                  | Mức độ đáp ứng |           |
|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|
|                                                |                                                                                                                                                                                                                                                   | Đạt            | Không đạt |
|                                                | và hình dáng hình học để lắp đặt được vào vị trí thực tế của thiết bị, đảm bảo hoạt động tốt phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2).                                                                              |                |           |
|                                                | Có cam kết                                                                                                                                                                                                                                        | X              |           |
|                                                | Không có cam kết                                                                                                                                                                                                                                  |                | X         |
| 6                                              | Nhà thầu nộp biện pháp thi công đáp ứng theo quy định tại chương II                                                                                                                                                                               |                |           |
|                                                | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                           | X              |           |
|                                                | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                     |                | X         |
| 7                                              | Nhà thầu phải cam kết: mua bảo hiểm tai nạn lao động cho nhân sự; máy móc thiết bị; tiến độ thực hiện; an toàn sức khỏe môi trường,... theo quy định tại chương II                                                                                |                |           |
|                                                | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                           | X              |           |
|                                                | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                     |                | X         |
| <b>II. Chế độ bảo hành, khắc phục sửa chữa</b> |                                                                                                                                                                                                                                                   |                |           |
| 1                                              | - Thời gian bảo hành: trong thời gian 12 tháng kể từ khi ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc (không giới hạn số lần khắc phục, sửa chữa).<br>- Thời gian khắc phục sửa chữa $\leq 07$ ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên mời thầu. |                |           |
|                                                | Đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                           | X              |           |
|                                                | Không đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                     |                | X         |

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng theo yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại.

**Mục 6. Tiêu chuẩn đánh giá về giá:** Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (chưa bao gồm VAT)

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (chưa bao gồm VAT)

Xếp hạng nhà thầu: BBG có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (chưa bao gồm VAT) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Ghi chú:**

**(1) Sửa lỗi:**

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

**b) Các lỗi khác:**

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

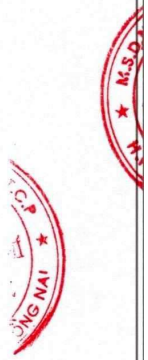
- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

**(2) Hiệu chỉnh sai lệch:**

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;



trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng.

### **Mục 7. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá**

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng, bảng tiến độ thực hiện, bảng chào giá hàng hóa theo mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác và thuế suất VAT. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

### **Mục 8. Thành phần báo giá**

Bản Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- 1) Đơn chào hàng theo Mẫu số 1 Chương III;
- 2) Bảng tiến độ thực hiện Mẫu số 2 Chương III;
- 3) Bảng chào giá Mẫu số 3 Chương III;
- 4) Biểu kê khai Hợp đồng tương tự theo Mẫu số 04 Chương III;
- 5) Các nội dung cần thiết khác:
  - a. Bản sao chứng thực hợp đồng tương tự và các tài liệu liên quan (hóa đơn và biên bản nghiệm thu/biên bản thanh lý quyết toán/xác nhận của Chủ đầu tư về hoàn thành hợp đồng) theo quy định tại YCBG;

b. Hồ sơ/tài liệu chứng minh về việc đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật được nêu tại Chương II của Yêu cầu báo giá.

#### **Mục 9. Thời hạn hiệu lực của báo giá**

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận YCBG.

#### **Mục 10. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Bản báo giá**

1. Nhà thầu phải nộp Bản báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Đại Phước, Thành phố Đồng Nai không được muộn hơn 15h00 ngày 08/06/2026. Các Bản báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

#### **Mục 11. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (chưa bao gồm VAT) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và giá chào không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

#### **Mục 12. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được công bố trên website của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

#### **Mục 13. Giải quyết kiến nghị**

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu.

## CHƯƠNG II. YÊU CẦU KỸ THUẬT

### 1. Thời gian, địa điểm:

- Thông tin gói thầu: Cung cấp màn hình giám sát và dịch vụ nâng cấp cho hệ thống Debris Filter từ 10PDB21/22GH001 của NME Nhơn Trạch 2.
- Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - ấp 3 xã Đại Phước, Thành phố Đồng Nai.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Tiến độ giao hàng: Trong vòng 85 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Nhà thầu được phép giao hàng sớm hơn quy định. Trong trường hợp chậm tiến độ, Nhà thầu sẽ bị phạt theo quy định tại Chương IV: Dự thảo hợp đồng.

### 2. Phạm vi công việc:

#### 2.1 Phạm vi cung cấp hàng hóa

| Stt | Hạng mục | Mô tả hàng hóa<br>(Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm,<br>Thông số kỹ thuật, Nhà sản xuất<br>tham chiếu.../ tương đương <sup>(1)</sup> )                                                                                                                                                        | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|---------|
| 1   | Màn hình | - Nhà sản xuất: Siemens<br>KP400 Comfort<br>6AV2124-1DC01-0AX0<br>SIMATIC HMI KP400 Comfort, 4"<br>widescreen TFT display, 16 million<br>colors, PROFINET interface,<br>MPI/PROFIBUS DP interface, 4 MB<br>configuration memory, Windows CE<br>6.0, configurable from WinCC Comfort<br>V11 | Bộ     | 02       | CO, CQ  |

#### 2.2 Phạm vi cung cấp dịch vụ

| Stt | Hạng mục                                     | Quy cách/ đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị   | Số lượng | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|---------|
| 1   | Dịch vụ kỹ thuật, nâng cấp cấu hình hệ thống | Cung cấp dịch vụ (bao gồm: chuyên gia, nhân sự có năng lực, kinh nghiệm liên quan và công cụ dụng cụ,...) bao gồm nhưng không giới hạn để thực hiện các công tác sau:<br><br>- Lấy chương trình màn hình cũ, PLC lập trình cho màn hình mới. | Trọn gói | 1        |         |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |  |  |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt thiết bị mới vào tủ điện</li> <li>- Đấu nối, thử nghiệm cáp, tín hiệu, chương trình phần mềm.</li> <li>- Chạy thử, bàn giao, nghiệm thu.</li> <li>- Đào tạo và chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Công việc khác (nếu có)</li> </ul> |  |  |  |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

**Ghi chú:**

-CQ là Giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa;

- CO là Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do Phòng thương mại của nước xuất khẩu cấp;

- <sup>(1)</sup> tương đương là tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, đảm bảo hoạt động tốt phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

**3. Yêu cầu về kỹ thuật**

**3.1 Yêu cầu hàng hóa:**

Hàng hóa cung cấp phải phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, đáp ứng đầy đủ hoặc cao hơn đặc tính kỹ thuật nêu trong Biểu phạm vi cung cấp.

Danh mục hàng hóa với các thông số kỹ thuật trong biểu phạm vi cung cấp là các mục hàng hóa mà PVPower NT2 đang sử dụng hoặc mong muốn sử dụng. Nhà thầu có thể chào đúng loại mã trên hoặc loại có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu sử dụng và hệ thống hiện hữu của Bên mời thầu. Trong trường hợp Nhà thầu chào hàng tương đương thì phải cung cấp các tài liệu chứng minh tính tương đương của hàng hóa và phải có cam kết tính tương thích của hàng hóa chào tương đương trong quá trình sử dụng, lắp đặt (tương thích cả về thông số kỹ thuật và hình dáng hình học để lắp đặt được vào vị trí thực tế của thiết bị).

Trường hợp chào mặt hàng thay thế, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật để chứng minh, kèm theo bảng phân tích tính tương đương giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng được chọn thay thế, có văn bản cam kết mặt hàng chào thay thế là tương đương hoặc tốt hơn so với mặt hàng yêu cầu.

Hàng hóa có quy cách tương đương là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương tự, cùng quy cách, cùng thành phần tương đương có tính năng sử dụng tương đương với hàng hóa theo yêu cầu.

Nhà thầu phải tự khảo sát và xem xét hệ thống tiếp nhận của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và các khu vực xung quanh để có tất cả các thông tin cần thiết cho việc chuẩn bị BBT và phương tiện vận chuyển phù hợp. Nhà thầu phải tự chịu mọi chi phí cho việc khảo sát nêu trên và chịu trách nhiệm về những rủi ro có liên quan.

**3.1.1 Tổng quan:**

- Tên thiết bị: Màn hình HMI điều khiển hệ thống Debris Filter
- Mã KKS: 10PDB21GH001 / 10PDB22GH001
- Hệ thống: Debris Filter – Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 2

- Địa chỉ nhà máy: Xã Đại Phước, Thành phố Đồng Nai
- Chức năng: Màn hình HMI là giao diện vận hành của hệ thống, dùng để giám sát và điều khiển hệ thống lọc rác nước làm mát phụ. Màn hình hiện tại bị hư hỏng phần hiển thị LCD.

### 3.1.2 Đặc tính kỹ thuật chung:

Thiết bị hiện hữu (cần thay thế):

- Thương hiệu màn hình: Siemens
- Model: 6AV6641-0BA11-0XA1 (OP77A)
- Tình trạng: Hư màn hình điều khiển và hiển thị LCD.
- Trạng thái sản phẩm: Đã phase out – không còn cấp phụ tùng thay thế.

### 3.1.3 Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu O&M và hướng dẫn của nhà sản xuất Siemens
- Chương trình PLC và HMI hiện hữu tại nhà máy.

### 3.1.4 Phạm vi công việc thực hiện:

- Cung cấp dịch vụ (bao gồm: chuyên gia, nhân sự có năng lực, kinh nghiệm liên quan và công cụ dụng cụ,...) để thực hiện các công tác:
- Lấy chương trình màn hình cũ, PLC lập trình cho màn hình mới.
- Lắp đặt thiết bị mới vào tủ điện
- Đấu nối, thử nghiệm cáp, tín hiệu, chương trình phần mềm.
- Chạy thử, bàn giao, nghiệm thu.
- Công việc khác (nếu có) Công tác kiểm tra trước khi sửa chữa:
- Ghi nhận lại tình trạng vận hành của van.

### 3.1.5 Công tác kiểm tra trước khi sửa chữa

- Ghi nhận lại tình trạng vận hành của hệ thống Debris Filter và màn hình HMI hiện tại
- Kiểm tra xuất xứ, chủng loại, thông số kỹ thuật và tình trạng màn hình thay thế mới trước khi đưa ra công trường
- Kiểm tra toàn bộ công cụ, dụng cụ: tình trạng hoạt động, hiệu chuẩn (nếu có) và yêu cầu an toàn trước khi sử dụng
- Xác nhận bản lưu trữ chương trình PLC và HMI hiện hữu mới nhất từ nhà máy

### 3.1.6 Biện pháp an toàn:

| Nguồn, hoạt động / Thao tác không an toàn | Mối nguy hiểm        | Nguyên nhân                   | Rủi ro               | Các biện pháp an toàn                                                                          |
|-------------------------------------------|----------------------|-------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Làm việc với tủ điện đang có điện         | Điện giật, chập điện | Tủ chưa được cô lập hoàn toàn | Chấn thương, tử vong | - Cô lập nguồn điện, treo phiếu án động cấm thao tác<br>- Kiểm tra mất điện trước khi thi công |

|                                    |                             |                                        |                                      |                                                                                                                                                                                     |
|------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                    |                             |                                        |                                      | - Chỉ người phụ trách điện mới được đấu/cắt/sửa điện                                                                                                                                |
| Lắp thiết bị trong tủ điện         | Va chạm hư hỏng thiết bị    | Không gian hẹp, nhiều thiết bị liền kề | Hư hỏng thiết bị, gián đoạn vận hành | - Chú ý khi di chuyển trong tủ<br>- Che chắn thiết bị lân cận<br>- Không để vật dụng rơi vào tủ                                                                                     |
| Dùng công cụ điện cầm tay          | Rò điện, thương tích        | Dụng cụ hư hỏng hoặc dùng sai cách     | Chấn thương                          | - Kiểm tra dụng cụ trước khi dùng<br>- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động                                                                                                              |
| Kết nối cáp tín hiệu và nguồn điện | Nhầm lẫn đầu nối, chập điện | Không kiểm tra kỹ trước khi cấp điện   | Hư hỏng thiết bị                     | - Kiểm tra sơ đồ đấu nối trước khi thi công<br>- Đánh dấu dây rõ ràng khi tháo lắp<br>- Kiểm tra lại đầu nối trước khi cấp điện<br>- Cấp điện khi có xác nhận của giám sát kỹ thuật |

- Nhân sự tham gia công tác phải được huấn luyện an toàn định kỳ, có thẻ an toàn và được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động
- Các công cụ dụng cụ và máy thi công phục vụ công tác phải được kiểm tra trước khi sử dụng

Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phục vụ công tác phải được kiểm định định kỳ

### **3.2 Yêu cầu về năng lực nhân sự:**

- Có chứng chỉ tham gia các khóa đào tạo về mạng truyền thông PROFIBUS, PROFINET/tương đương;
- Chứng chỉ về hệ thống SCADA với WinCC V7 và WinCC Professional của TIA Portal/tương đương.

### **3.3 Dụng cụ, thiết bị thi công:**

Nhà thầu phải chuẩn bị công cụ dụng cụ, thiết bị thi công đảm bảo thực hiện công việc.

### **3.4 Quy trình thực hiện công việc:**

#### **3.4.1 Công tác chuẩn bị vật tư, thiết bị và phụ kiện:**

- Toàn bộ vật tư, thiết bị được kiểm tra xuất xứ, chủng loại, thông số kỹ thuật và tình trạng trước khi đưa ra công trường

#### 3.4.2 Chuẩn bị công cụ, dụng cụ và thiết bị thi công:

- Nhà thầu chuẩn bị đầy đủ công cụ, dụng cụ chuyên dụng bao gồm: máy khoan, máy cắt (nếu cần), đồng hồ đo điện, kềm cắt, kềm bấm coss, máy tính xách tay,... và dụng cụ bảo hộ gồm: nón, giày, mắt kính, găng tay
- Toàn bộ công cụ, dụng cụ được kiểm tra tình trạng hoạt động, hiệu chuẩn (nếu có) và đảm bảo yêu cầu an toàn trước khi sử dụng

#### 3.4.3 Các bước thực hiện:

1. Bước 1: Sử dụng bản lưu trữ chương trình PLC mới nhất của nhà máy cung cấp hoặc dùng máy tính xách tay kết nối với PLC hiện hữu để upload chương trình điều khiển bằng phần mềm chuyên dụng của Siemens.
2. Bước 2: Sử dụng bản lưu trữ chương trình OP77A mới nhất của nhà máy cung cấp hoặc dùng máy tính xách tay kết nối với OP77A hiện hữu để upload chương trình HMI bằng phần mềm chuyên dụng của Siemens.
3. Bước 3: Sử dụng phần mềm TIA Portal của Siemens để migrate (chuyển đổi) chương trình HMI từ phiên bản dùng cho OP77A sang chương trình dùng cho thiết bị thay thế mới.
4. Bước 4: Điều chỉnh thủ công chương trình mới ở một số hạng mục chưa hoàn toàn tương thích sau khi migrate, đảm bảo tương thích hoàn toàn với thiết bị thay thế mới.
5. Bước 5: Sử dụng phần mềm TIA Portal để giả lập kết nối giữa thiết bị thay thế mới và PLC cùng chủng loại và chương trình điều khiển hiện hữu. Chạy thử các chức năng và tiến hành nghiệm thu ngoại với nhà máy trước khi kết nối với hệ thống đang hoạt động. (Thông báo nhà máy trước 2 ngày)
6. Bước 6: Tiến hành lắp đặt màn hình giám sát HMI mới vào vị trí màn hình giám sát HMI hiện hữu. So sánh kích thước lỗ khoét, bắt ốc nếu không phù hợp thì gia công lại lỗ khoét và bắt bắt sao cho tủ điện kín và chắc chắn.
7. Bước 7: Cấp nguồn cho màn hình giám sát HMI mới lắp và gắn cáp kết nối giữa màn hình giám sát lắp mới với hệ thống PLC hiện hữu.
8. Bước 8: Kiểm tra, hiệu chỉnh, vận hành, nghiệm thu và bàn giao.

#### **3.5 Kiểm tra nghiệm thu :**

Việc tiến hành nghiệm thu được chia làm các giai đoạn phù hợp với tiến độ triển khai:

- Nghiệm thu ngoại (offline – không kết nối vào hệ thống đang hoạt động): Nghiệm thu các chức năng của màn hình HMI mới khi kết nối với chương trình giả lập PLC
- Nghiệm thu lắp đặt: Sau khi tiến hành lắp đặt và đấu nối tại tủ 10PDB21/22GH001
- Nghiệm thu tính năng online: Kết nối HMI mới với PLC đang hoạt động, kiểm tra toàn bộ chức năng và bàn giao đưa vào sử dụng
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh toàn bộ khu vực làm việc
- Tiến hành công tác nghiệm thu cấp B

- Bàn giao cho bộ phận vận hành (PXVH)
- Kết thúc công tác.

### **3.6 Quản lý tiến độ:**

Sau khi ký hợp đồng, nhà thầu sẽ đệ trình bảng tiến độ chi tiết để chủ đầu tư phê duyệt và quản lý.

*Tiến độ được phân chia các thành phần:*

- Tiến độ giao hàng
- Tiến độ triển khai công tác migrate chương trình offline
- Tiến độ triển khai công tác lắp đặt và online
- Tiến độ kiểm tra, chạy thử và nghiệm thu
- Đối với triển khai offline (tại workshop nhà thầu): Báo cáo tiến độ theo từng mốc công việc và thời gian. Việc nghiệm thu nguội (Bước 5, mục 7.4) sẽ được thông báo cho chủ đầu tư trước 2 ngày
- Đối với triển khai lắp đặt và online (tại nhà máy): Nhật ký công trình được thực hiện hàng ngày để chủ đầu tư theo dõi tiến độ
- Nếu có lý do bất khả kháng gây trễ tiến độ, nhà thầu có trách nhiệm báo cáo chủ đầu tư và đệ trình tiến độ mới để phê duyệt làm cơ sở triển khai

### **3.7 Đào tạo và chuyển giao công nghệ:**

Nhà thầu tiến hành công tác đào tạo và chuyển giao công nghệ cho chủ đầu tư theo hình thức đào tạo trực tiếp tại nhà máy:

- Các tính năng chung của màn hình mới
- Việc kết nối giữa màn hình mới và PLC hiện hữu
- Vận hành trên màn hình mới
- Các lỗi có thể phát sinh và các biện pháp xử lý
- Chuyển giao toàn bộ bản lưu trữ cuối cùng của chương trình HMI mới cho nhân sự được chủ đầu tư phân công

### **3.8 Đính kèm:**

- Sơ đồ đấu nối kết nối màn hình mới – PLC
- Bảng tiến độ thực hiện chi tiết.

### **3.9 Các cam kết:**

*3.9.1 Các cam kết liên quan đến nhân sự:*

- Nhà thầu phải cam kết nhân sự có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện hợp đồng ;
- Nhà thầu phải cam kết mua bảo hiểm tai nạn lao động cho nhân sự thực hiện hợp đồng;
- Nhà thầu phải cam kết nhân sự của nhà thầu phải được huấn luyện ATVSLĐ và được trang bị đầy đủ BHLĐ theo quy định.
- Nhà thầu phải cam kết toàn bộ nhân sự của nhà thầu tham gia buổi huấn luyện an toàn bởi người có trách nhiệm của Bên mời thầu.

### 3.9.2 Cam kết liên quan máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ thi công:

- Nhà thầu phải cam kết huy động đầy đủ các máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ để thực hiện công việc đáp ứng tiến độ thực hiện công việc theo yêu cầu của YCBG.
- Các máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ thi công phải còn hạn kiểm định (đối với các thiết bị, công cụ yêu cầu kiểm định theo quy định), còn hạn sử dụng; Thiết bị điện có tem bảo trì định kì được dán trên mỗi thiết bị, đối với các thiết bị điện cầm tay phải đảm bảo an toàn điện theo quy định.

### 3.9.2 Công tác an toàn sức khỏe môi trường:

- Tất cả nhân sự tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 phải được mua bảo hiểm tai nạn lao động theo quy định.
- Tất cả nhân sự tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị phục vụ thi công đảm bảo an toàn và phòng cháy chữa cháy theo quy định của PVPower NT2 và luật định.
- Nhà thầu có trách nhiệm dọn dẹp, vệ sinh hiện trường sau mỗi lần sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, máy móc... Rác thải trong quá trình thực hiện công việc sẽ được Nhà thầu gom vào thùng rác và/hoặc nơi do Bên mời thầu quy định. Quy trình thu gom và xử lý chất thải cần được thống nhất trước khi thực hiện công việc

## 4. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm vận chuyển và bốc xếp hàng từ phương tiện vận chuyển xuống cửa kho của PVPower NT2, tại ấp 3, xã Đại Phước, thành phố Đồng Nai.

Toàn bộ chi phí giao hàng/nghiệm thu do Nhà thầu chịu.

## 5. Kiểm tra và thử nghiệm

PVPower NT2 hoặc đại diện của PVPower NT2 có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời

### CHƯƠNG III. BIỂU MẪU CHÀO HÀNG

| Stt | Biểu mẫu                                  | Cách thực hiện | Trách nhiệm thực hiện |          |
|-----|-------------------------------------------|----------------|-----------------------|----------|
|     |                                           |                | Bên mời thầu          | Nhà thầu |
| 1   | Mẫu số 01. Đơn chào hàng                  |                |                       | X        |
| 2   | Mẫu số 02. Bảng đề xuất tiến độ giao hàng |                |                       | X        |
| 3   | Mẫu số 03. Bảng giá dự thầu               |                |                       | X        |



**ĐƠN CHÀO HÀNG <sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_

Tên gói thầu: \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: \_\_\_\_

- Số đăng ký kinh doanh: \_\_\_\_

cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ với các thông tin chính như sau:

Theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_ với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_\_ [*Ghi tỷ lệ giảm giá*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_.

Thời gian thực hiện gói thầu là 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Hiệu lực của báo giá: \_\_\_\_

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương IV.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**BẢNG TIẾN ĐỘ GÓI THẦU**  
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

| STT | Thời gian thực hiện gói thầu theo yêu cầu của bên mời thầu | Thời gian giao hàng do nhà thầu đề xuất |
|-----|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1   | 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng                            |                                         |

308  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM

## BẢNG CHÀO GIÁ

| Stt | Danh mục hàng hóa                                     | Đơn vị tính | Khối lượng | Thông số, đặc tính kỹ thuật | Xuất xứ<br>[ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất] | Đơn giá chào<br>(đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT) | Thành tiền<br>đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT) | Thuế VAT | Thành tiền<br>đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) đã bao gồm thuế VAT) |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------|------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                                   | (3)         | (4)        |                             | (5)                                                                                | (6)                                                                                  |                                                                                   |          | (7)=(4)x(6)                                                              |
| 1   | Cung cấp màn hình                                     | Bộ          | 02         |                             |                                                                                    |                                                                                      | M1*                                                                               |          | M1                                                                       |
| 2   | Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, nâng cấp cấu hình hệ thống | Trọn gói    | 01         |                             |                                                                                    |                                                                                      |                                                                                   |          | Mn                                                                       |
|     |                                                       |             |            |                             |                                                                                    |                                                                                      | Mn*                                                                               |          |                                                                          |

|   |                                                                                                   |      |  |     |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|-----|
| 3 | Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) nhưng chưa bao gồm thuế VAT | (M*) |  |     |
| 4 | Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT         |      |  | (M) |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- Nhà thầu điền nội dung bảng giá chào của hàng hóa theo yêu cầu tại Chương III.
- Thành tiền M1\*, ... Mn\*, (M\*) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế VAT sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT.

Mẫu số 04

HỢP ĐỒNG TƯỞNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN<sup>(1)</sup>

– \_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

- Tên nhà thầu: \_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]
- Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

|                                                                                                                               |                                                                        |                                  |                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| Tên và số hợp đồng                                                                                                            | [ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]                              |                                  |                      |
| Ngày ký hợp đồng                                                                                                              | [ghi ngày, tháng, năm]                                                 |                                  |                      |
| Ngày hoàn thành                                                                                                               | [ghi ngày, tháng, năm]                                                 |                                  |                      |
| Giá hợp đồng                                                                                                                  | [ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]                | Tương đương ____ VND             |                      |
| Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm                               | [ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]                   | [ghi số tiền và đồng tiền đã ký] | Tương đương ____ VND |
| Tên dự án:                                                                                                                    | [ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]                    |                                  |                      |
| Tên Chủ đầu tư:                                                                                                               | [ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]            |                                  |                      |
| Địa chỉ:                                                                                                                      | [ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]                           |                                  |                      |
| Điện thoại/fax:                                                                                                               | [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail] |                                  |                      |
| E-mail:                                                                                                                       | [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail] |                                  |                      |
| <b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 3 Chương I – Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm<sup>(2)</sup>.</b> |                                                                        |                                  |                      |
| 1. Loại dịch vụ                                                                                                               | [ghi thông tin phù hợp]                                                |                                  |                      |
| 2. Về giá trị                                                                                                                 | [ghi số tiền bằng VND]                                                 |                                  |                      |
| 3. Về quy mô thực hiện                                                                                                        | [ghi quy mô theo hợp đồng]                                             |                                  |                      |
| 4. Các đặc tính khác                                                                                                          | [ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]                                  |                                  |                      |

- Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Nhà thầu nộp bản sao y các tài liệu: BB nghiệm thu, hóa đơn GTGT/BB quyết toán thanh lý, tài liệu liên quan để chứng minh đã hoàn thành hợp đồng.

– Ghi chú:

- (1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai

theo Mẫu này.

- (2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

3/4  
1/4  
1/4  
1/4  
1/4

**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

| <b>STT</b> | <b>Họ và Tên</b> | <b>Vị trí công việc</b>                                      |
|------------|------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1          | ...              | <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i> |
| 2          |                  |                                                              |
| ...        |                  |                                                              |

**BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

|     |  | Thông tin nhân sự            |                            |        |                       |                               |                            | Công việc hiện tại                 |           |                                                     |                                                          |                        |
|-----|--|------------------------------|----------------------------|--------|-----------------------|-------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------|
|     |  | Tên                          | Căn cước công dân/Hộ chiếu | Vị trí | Ngày, tháng, năm sinh | Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn | Tên người sử dụng lao động | Địa chỉ của người sử dụng lao động | Chức danh | Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại | Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự) | Điện thoại/ Fax/ Email |
| Sst |  |                              |                            |        |                       |                               |                            |                                    |           |                                                     |                                                          |                        |
| 1   |  | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] |                            |        |                       |                               |                            |                                    |           |                                                     |                                                          |                        |
| 2   |  | [ghi tên nhân sự chủ chốt 2] |                            |        |                       |                               |                            |                                    |           |                                                     |                                                          |                        |
| ... |  |                              |                            |        |                       |                               |                            |                                    |           |                                                     |                                                          |                        |
| n   |  | [ghi tên nhân sự chủ chốt n] |                            |        |                       |                               |                            |                                    |           |                                                     |                                                          |                        |

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

**BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN<sup>(1)</sup>**

| STT | Tên nhân sự chủ chốt         | Từ ngày | Đến ngày | Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/<br>Kinh nghiệm chuyên môn và<br>quản lý có liên quan |
|-----|------------------------------|---------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | [ghi tên nhân sự chủ chốt 1] | ...     | ...      | ...                                                                                  |
| 2   |                              |         |          |                                                                                      |
| ... | ...                          |         |          |                                                                                      |

Ghi chú (1): Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

## CHƯƠNG IV: HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 06

### BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);<sup>(1)</sup>

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại YCBG]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

#### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_ [ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Điều 11 Chương IV.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn<sup>(2)</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Bên mời thầu giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]

**Người ủy quyền**

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi hoàn thiện, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.



## HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015);

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận BBG và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

### **Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

### **Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Sau khi bàn bạc thống nhất, hai bên cùng nhất trí ký kết thực hiện Cung cấp màn hình giám sát và dịch vụ nâng cấp cho hệ thống Debris Filter tủ 10PDB21/22GH001 của NMĐ Nhơn Trạch 2 với các điều kiện điều khoản như sau:

### **ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA**

- 1.1 “Hợp đồng” được hiểu là văn bản được ký kết giữa Bên A và Bên B.
- 1.2 “Phạm vi công việc” được hiểu là Cung cấp màn hình giám sát và dịch vụ nâng cấp cho hệ thống Debris Filter tủ 10PDB21/22GH001 của NMĐ Nhơn Trạch 2, chi tiết tại Điều 2 – Phạm vi công việc.
- 1.3 Ngày: là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
- 1.4 Tuần: là 07 ngày.

### **ĐIỀU 2: PHẠM VI CÔNG VIỆC, CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA DỊCH VỤ**

- Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện Cung cấp màn hình giám sát và dịch vụ nâng cấp cho hệ thống Debris Filter tủ 10PDB21/22GH001 của NMĐ Nhơn Trạch 2 cụ thể như Phụ lục 1 đính kèm.
- Hàng hóa được cung cấp đúng nhãn hiệu, chủng loại, đặc tính kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chưa sử dụng, đảm bảo mới 100%, hợp pháp, phải được sản xuất sau ngày 01/01/2025 và phù hợp với mô tả trong Phụ lục 1 đính kèm.
- Dịch vụ phải đáp ứng đầy đủ theo quy định của Hợp đồng và phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu của Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

### **ĐIỀU 3: THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG**

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi công việc và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. YCBG, Báo giá
4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A**

- Thực hiện đầy đủ các điều khoản như đã quy định trong hợp đồng và thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- Theo dõi giám sát trong quá trình thực hợp đồng. Hướng dẫn và cung cấp các Phiếu đăng ký và thủ tục đăng ký Phiếu công tác cho Bên B. Thường xuyên trao đổi, bàn bạc với Bên B để cùng giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện.
- Huấn luyện an toàn tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 cho Bên B theo danh sách bên B cung cấp.
- Thực hiện các thủ tục ra vào cổng cho người, vật tư, thiết bị của Bên B theo đúng danh sách bên B cung cấp.
- Bàn giao mặt bằng, cấp khu vực tập kết thiết bị, vật tư trong khu vực thi công tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2
- Cung cấp các thông tin, tài liệu và tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất cho Bên B thực hiện công việc của mình trong phạm vi Hợp Đồng; Tổ chức phối hợp với các đơn vị và cán bộ phận liên quan để Bên B tiến hành khảo sát và triển khai theo yêu cầu trong hợp đồng.
- Xem xét và phê duyệt nội dung phương án thi công do Bên B xây dựng bao gồm: Thiết kế và phương án thực hiện lắp đặt màn hình giám sát và dịch vụ nâng cấp cho hệ thống Debris Filter từ 10PDB21/22GH001 của NMT Nhơn Trạch 2, Đào tạo hướng dẫn sử dụng hệ thống.
- Kiểm tra chất lượng, nghiệm thu công việc do Bên B cung cấp theo đúng quy định của Hợp đồng.
- Bên A có trách nhiệm gửi thông báo thực hiện dịch vụ bằng văn bản cho Bên B trước 03 ngày làm việc để Bên B chuẩn bị chuẩn bị và bố trí nhân sự thực hiện công việc.

#### **ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B**

- Cung cấp cho Bên A hàng hóa đảm bảo quy cách, chất lượng và các dịch vụ theo Điều 2 đáp ứng yêu cầu công việc.
- Chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của các chứng từ CO, CQ, các tài liệu liên quan do Bên B cung cấp đối với hàng hóa, công việc quy định tại Phụ lục 1 – Phạm vi công việc.
- Trong vòng 30 kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực Bên B có trách nhiệm khảo sát và xây dựng phương án thi công và trình Bên A phê duyệt. Đào tạo hướng dẫn sử dụng hệ thống theo yêu cầu tại Phụ lục 1 – Phạm vi công việc đính kèm Hợp đồng.
- Bằng chi phí của mình, Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm về việc chi trả các khoản phí và lệ phí phát sinh trong quá trình khảo sát, lấy thông tin, thiết kế kỹ thuật, đào tạo hướng dẫn sử dụng hệ thống, bàn giao nghiệm thu theo quy định.

- Bên B có trách nhiệm trang bị đầy đủ thiết bị, công cụ dụng cụ, nhân sự, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế phục vụ công việc và phải tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an ninh, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, nếu thi công gây ảnh hưởng thì phải khắc phục và không tính chi phí phát sinh.
- Mua bảo hiểm tai nạn 24/7 cho tất cả người lao động tham gia thi công cho tới khi hoàn thành hợp đồng.
- Thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.
- Cam kết chịu trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn cho Bên A sử dụng và vận hành hệ thống.
- Chịu trách nhiệm bảo hành theo đúng quy định của hợp đồng.
- Thông báo cho Bên A khi có thay đổi thông tin về tài khoản ngân hàng bằng văn bản.
- Tạo điều kiện thuận lợi để Bên A theo dõi giám sát trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Không được chuyển giao nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dưới bất kỳ hình thức nào cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý của Bên A.

## **ĐIỀU 6: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

### **6.1 Giá hợp đồng:**

- Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và toàn bộ các chi phí mà Bên B phải chịu để thực hiện công việc là.....VND (*Bằng chữ*:).

### **6.2 Loại hợp đồng:** Trọn gói.

### **6.3 Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng:**

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 150 ngày kể từ ngày ký hợp đồng (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày Lễ, tết).
- Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
  - o Thời gian giao hàng: Trong vòng 85 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
  - o Thời gian thực hiện dịch vụ khi nhà máy vận hành: Sau khi nhà thầu bàn giao vật tư và chủ đầu tư bàn giao mặt bằng, thời gian thực hiện dịch vụ trong vòng 20 ngày.

### **6.4 Phương thức và đồng tiền thanh toán:**

6.4.1 Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

6.4.2 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

6.4.3 Số lần thanh toán: số lần thanh toán 01 lần (không tạm ứng)

6.4.4 Thời hạn thanh toán:

Thanh toán 100% giá trị dịch vụ. Thời gian thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được bộ Hồ sơ thanh toán 100% giá trị theo quy định như điều 6.5 dưới đây.

#### **6.5 Hồ sơ thanh toán, bao gồm:**

##### **Hồ sơ thanh toán 100% giá trị hợp đồng gồm:**

- 01 bản gốc công văn đề nghị thanh toán;
- 01 bản gốc hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài Chính có giá trị bằng 100% giá trị công việc thực hiện của Hợp đồng (đồng thời gửi đường link tra cứu hóa đơn điện tử về địa chỉ mail: phong.tckt@pvnt2.com.vn);
- 01 bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc hình thức đặt cọc bằng tiền mặt có giá trị bằng 3% giá Hợp đồng;
- 01 bản gốc biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc;
- 01 bản gốc biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng;
- 01 bản gốc/Bản điện tử (kèm theo đường link hoặc mã QR để kiểm tra) Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp đối với phần hàng hóa Bên B nhập khẩu trực tiếp/Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất đối với phần hàng hóa Bên B không trực tiếp nhập khẩu hoặc bản sao có xác nhận của Bên B khi Bên B nhập khẩu cùng hàng hóa không thuộc hợp đồng này;
- 01 bản gốc/Bản sao có xác nhận của nhà sản xuất/ Bản sao có xác nhận của nhà nhập khẩu Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp đối với các mục hàng hóa yêu cầu cấp CQ;
- 01 Bản sao y công chứng/bản sao có xác nhận của nhà cung cấp cho Bên B hợp đồng/ chứng từ mua bán hoặc các tài liệu liên quan tương đương giữa Bên B với nhà cung cấp trong nước đối với phần hàng hóa Bên B không trực tiếp nhập khẩu/ mua trực tiếp từ nhà sản xuất (đối với các mục hàng hóa yêu cầu cấp CO/CQ);
- 01 bản gốc giấy bảo lãnh bảo hành của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT;
- Tài liệu kỹ thuật liên quan

### **ĐIỀU 7: THỰC HIỆN CÔNG VIỆC, NGHIỆM THU**

#### **7.1 HÀNG HÓA**

- Thời gian giao hàng: Bên B sẽ giao hàng cho Bên A theo tiến độ quy định tại Khoản 6.3 hợp đồng này.
- Thủ tục giao hàng:

❖ Thông báo giao hàng: Bên B sẽ gửi thông báo giao hàng bằng văn bản (có đính kèm danh mục hàng hóa và tài liệu hàng hóa được giao) cho Bên A trước 07 ngày để Bên A tiến hành tổ chức nghiệm thu;

❖ Biên bản bàn giao:

- Gồm 04 (bốn) bản được đại diện giữa hai bên xác nhận tại thời điểm giao hàng;
- Một (01) Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) do Cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp;
- Một (01) Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng do nhà sản xuất cấp;
- Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có);

❖ Địa điểm thực hiện công việc: Tại Ấp 3, xã Đại Phước, Thành phố Đồng Nai (Bên A sẽ phối hợp, hỗ trợ phương tiện nâng hạ để giao nhận hàng hóa).

❖ Chi phí thực hiện công việc: Toàn bộ chi phí do Bên B chịu.

- Nghiệm thu hàng hóa: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ tài liệu nêu trên Bên A tiến hành tổ chức nghiệm thu.

#### 7.2 Dịch vụ:

- Thời gian thực hiện dịch vụ: Bên B sẽ thực hiện dịch vụ theo tiến độ quy định tại Khoản 6.3 hợp đồng:

❖ Thông báo: Bên B sẽ gửi thông báo sẵn sàng thực hiện dịch vụ bằng văn bản cho Bên A trước ngày 03 ngày thực hiện dịch vụ để Bên A phối hợp triển khai thực hiện đăng ký thủ tục dừng máy (đối với công việc yêu cầu phải dừng tổ máy);

❖ Quá trình thực hiện dịch vụ

- Sau khi Bên B hoàn thành công việc lắp đặt, hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu mốc hoàn thành lắp đặt hệ thống bao gồm: Nghiệm thu kỹ thuật.
- Sau khi Bên B hoàn thành công việc cấu hình, chạy thử hệ thống, hoàn thành đào tạo. Sau đó, hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu chạy thử, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng. Ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng là ngày được dùng để xác định thực hiện hợp đồng có chậm hay không và được dùng tính phạt do triển khai công việc chậm theo quy định tại Điều 13.

#### **ĐIỀU 8: BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BẢO LÃNH BẢO HÀNH**

- Trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B sẽ chuyển cho Bên A một thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc đặt cọc bằng Séc với giá trị tương đương với 3% giá hợp đồng với thời hạn 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi hai bên ký biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng và Bên B nộp bảo lãnh bảo hành cho toàn bộ phạm vi công việc theo hợp đồng.

- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B do việc không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.
- Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT và có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đợt cuối. Trường hợp phát hành bảo lãnh sau ngày nghiệm thu thì hiệu lực của bảo lãnh 12 tháng kể từ ngày phát hành bảo lãnh hợp lệ.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, Bảo lãnh bảo hành phải do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

## **ĐIỀU 9: SỬA ĐỔI BỔ SUNG, GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

### **9.1 Sửa đổi bổ sung:**

Trường hợp cần thiết điều chỉnh hoặc bổ sung, hai bên sẽ thỏa thuận bằng văn bản kèm theo hợp đồng này.

### **9.2 Gia hạn hợp đồng:**

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B gặp khó khăn gây chậm trễ trong việc thực hiện theo thời gian quy định tại Hợp đồng này thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết đồng thời nêu rõ lý do cùng với thời gian dự tính kéo dài. Khi nhận được thông báo của Bên B, Bên A phải trả lời Bên B bằng văn bản trong vòng 03 ngày. Việc Bên A đồng ý gia hạn Hợp đồng sẽ là cơ sở để hai Bên thương thảo ký kết phụ lục bổ sung Hợp đồng. Ngoài ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng Bên A cần phải nâng cấp hệ thống thiết bị Nhà máy để đáp ứng yêu cầu theo quy định của hồ sơ cấp độ sẽ là cơ sở để hai Bên thương thảo ký kết phụ lục bổ sung Hợp đồng.

### **9.3 Chấm dứt hợp đồng:**

- Bên A có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B khi Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn thêm như Khoản 9.2 Điều này.
- Khi Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt này. Nếu Bên A không tìm được đơn vị cung cấp khác thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

## **ĐIỀU 10: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG**

### **10.1 Quy định về bất khả kháng:**

Bất khả kháng được hiểu là sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của các Bên chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, dịch bệnh, khủng bố, hay những trường hợp tương tự có

ảnh hưởng đến việc thực hiện công việc của Bên B mà hai bên chịu ảnh hưởng, không thể kiểm soát, điều khiển được.

#### 10.2 Thủ tục về bất khả kháng:

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng sẽ không bị bồi thường thiệt hại hay chấm dứt Hợp đồng.

### **ĐIỀU 11: CAM KẾT BẢN QUYỀN VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới các tài liệu mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

### **ĐIỀU 12: BẢO MẬT THÔNG TIN**

12.1 Các bên thỏa thuận không công bố, tiết lộ bất kỳ thông tin nào (dưới mọi hình thức) trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba (trừ trường hợp quy định của Pháp luật).

12.2 Trường hợp một trong hai bên vi phạm sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

12.3 Mỗi bên cam kết sẽ chỉ trao đổi các thông tin nêu trên cho các cán bộ của mình có liên quan trực tiếp đến dự án và sẽ yêu cầu mỗi cán bộ liên quan thực hiện cam kết riêng rẽ về việc bảo mật thông tin.

12.4 Các thông tin sau đây không được coi là đối tượng của các quy định trên:

- Các thông tin mà mỗi bên đã có từ trước khi được bên kia cung cấp;
- Các thông tin đã trở nên phổ biến mà không do lỗi của bên nhận thông tin;
- Các thông tin mà mỗi bên nhận được từ các bên thứ ba mà không có nghĩa vụ bảo mật kèm theo; hoặc
- Các thông tin do mỗi bên tự tạo ra không liên quan đến Hợp Đồng này.

### **ĐIỀU 13: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

- Trừ trường hợp bất khả kháng như quy định tại Điều 10, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn, thì Bên A có quyền

khấu trừ khoản tiền phạt tương ứng với 0,3% giá trị trước thuế VAT từng hạng mục công việc chậm thực hiện theo quy định của hợp đồng và mức tối đa không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng trước thuế bị vi phạm. Khi thời gian thực hiện công việc vượt quá 4 tuần so với thời hạn thực hiện hợp đồng, Bên A có thể xem xét việc chấm dứt Hợp đồng và tịch thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B.

#### **ĐIỀU 14: PHẠT DO CHẬM NGHIỆM THU THANH TOÁN**

- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi Bên B hoàn thành bàn giao tài liệu, Bên A không tiến hành nghiệm thu công việc của Bên B mà không đưa ra được lý do chính đáng bằng văn bản thì Bên A sẽ bồi thường thiệt hại cho Bên B khoản tiền phạt tương ứng với 0,3% giá trị hạng mục công việc trước thuế chưa nghiệm thu cho mỗi ngày chậm nghiệm thu và mức tối đa không quá 8% giá trị phần công việc chưa nghiệm thu.
- Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 6 hợp đồng. Bên A sẽ bồi thường cho Bên B khoản tiền phạt chậm thanh toán được tính trên cơ sở số tiền chậm trả, với lãi suất được tính bằng 100% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố tại thời điểm tương ứng theo số ngày chậm trả thực tế.

#### **ĐIỀU 15: BẢO HÀNH**

##### 15.1 Giá trị bảo lãnh bảo hành:

Sau ngày nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành Bên B phải nộp cho Bên A bản gốc bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT tương ứng với thời gian bảo hành, do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Nếu trong thời gian bảo hành xảy ra tình trạng hư hỏng hoặc khiếm khuyết do lỗi vật tư, lỗi kỹ thuật thi công không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định của hợp đồng mà nguyên nhân do lỗi của Bên B thì Bên B phải có trách nhiệm khắc phục trong thời gian hợp lý theo phương án bảo hành được hai bên chấp thuận (nhưng không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải cử nhân sự đến tại địa điểm bảo hành để tiến hành khảo sát tình trạng hư hỏng và có kế hoạch, giải pháp thực hiện sửa chữa, khắc phục hư hỏng).

##### 15.2 Thời gian bảo hành:

Mười hai (12) tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng. Trường hợp phát hành bảo lãnh sau ngày nghiệm thu thì hiệu lực của bảo lãnh kể từ ngày phát hành bảo lãnh hợp lệ.

##### 15.3 Phạm vi bảo hành:

- Phạm vi bảo hành: Toàn bộ phạm vi công việc do Bên B cung cấp.
- Nguyên tắc bảo hành: Không bảo hành những trường hợp hư hỏng do Bên A sử dụng, vận hành không đúng mục đích, không theo hướng dẫn của Bên B.

- Thủ tục bảo hành: Khi phát hiện các hư hỏng thuộc phạm vi bảo hành của Bên B, Bên A gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B, trong đó nêu rõ các hư hỏng hoặc các hiện tượng hư hỏng. Sau khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B sẽ cử nhân viên đến kiểm tra tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoặc hướng dẫn Bên A kiểm tra, xác định nguyên nhân hư hỏng để khắc phục kịp thời. Các chi phí do khắc phục hư hỏng trong phạm vi bảo hành của Bên B sẽ được miễn phí.
- Địa điểm bảo hành: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Đại Phước, Thành phố Đồng Nai.

#### **ĐIỀU 16: ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT**

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **ĐIỀU 17: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 17.1 Ngôn ngữ hợp đồng và Luật áp dụng
- Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.
  - Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật Việt Nam.
- 17.2 Giải quyết tranh chấp:
- Hai Bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản đã ký kết, không Bên nào được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng này, mọi vấn đề khó khăn trở ngại hai Bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hai Bên cùng có lợi. Các thay đổi đều phải được thỏa thuận bằng văn bản do hai Bên ký kết mới có hiệu lực.
  - Mọi tranh chấp nếu có mà hai Bên không hòa giải được sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Nai giải quyết theo quy định của pháp luật.
- 17.3 Hiệu lực hợp đồng:
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi hai bên quyết toán, thanh lý hợp đồng theo luật định.
  - Hợp đồng này được lập thành năm (05) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ ba (03) bản, Bên B giữ hai (02) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ  
THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU  
TU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]*

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_)

*Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại YCBG và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.*